

HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH VÀ VẤN ĐỀ SỬ DỤNG NGUỒN NHÂN LỰC

• TS. NGUYỄN THỊ MINH HÒA

Trường Đại học Lao động Xã hội

Hướng nghiệp cho học sinh (HS) là hệ thống biện pháp tác động của xã hội, nhà trường và gia đình đến nhận thức, thái độ và hành vi lựa chọn nghề và trường đào tạo nghề của họ. Việc lựa chọn này phải phù hợp với nguyện vọng, năng lực của mỗi cá nhân, hoàn cảnh của gia đình, những đòi hỏi của nghề và nhu cầu của thị trường lao động trong từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội.

Việc chọn nghề hiện nay không chỉ là vấn đề quan trọng đối với từng cá nhân, gia đình, mà còn là vấn đề lợi ích của xã hội. Nhưng nước ta có tới 70% HS phổ thông phải bước vào sự lựa chọn khó khăn này mà chưa được giáo dục hướng nghiệp [1]. Điều đó chứng tỏ công tác hướng nghiệp chưa được quan tâm đúng mức. Hậu quả là họ hiểu biết rất ít về ngành nghề lựa chọn. Đây là một trong những nguyên nhân cơ bản làm cho cấu trúc đào tạo theo cấp trình độ và cơ cấu ngành nghề đào tạo không đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động. Thực tế này dẫn đến hậu quả là nguồn nhân lực của chúng ta chưa được sử dụng hợp lý. Điều này được thể hiện ở một số điểm sau:

- Trong khi thị trường lao động đang rất cần và thiếu công nhân kĩ thuật lành nghề thì đại đa số thanh thiếu niên đang đi học có ước mơ vào đại học (90%), và trên thực tế chỉ có 10% vào được đại học (ĐH) và cao đẳng (CĐ) [2]. Kỳ vọng vào đại học quá lớn tác động tiêu cực đến việc quyết định theo học các lớp học nghề của họ. Chỉ có 18,9% thanh niên tham gia các lớp học nghề. Điều này dẫn đến cơ cấu của lực lượng lao động có chuyên môn kĩ thuật theo cấp trình độ đào tạo trong tình trạng "thừa thầy thiếu thợ". Trong khi đó, theo kinh nghiệm của một số nước trong khu vực và trên thế giới, cơ cấu hợp lý là 1 ĐH, CĐ/ 4 trung cấp chuyên nghiệp/ 10 công nhân kĩ thuật. Cơ cấu này ở Việt Nam được thể hiện ở bảng sau (xem bảng 1):

Bảng 1: Cơ cấu lực lượng lao động theo cấp chuyên môn kĩ thuật

Đơn vị tính: lần

Năm	CĐ, ĐH trở lên	Trung học chuyên nghiệp	Công nhân kĩ thuật
1996	1	1,7	2,7
2000	1	1,24	1,74
2002	1	0,93	2,8
2005	1	0,86	2,74

Nguồn: Số liệu thống kê lao động - việc làm 1996 - 2005, Bộ LĐTBXH

- Ngành nông nghiệp thiếu trầm trọng lao động đã qua đào tạo, đặc biệt là những chuyên gia trẻ. Việt Nam là một nước nông nghiệp với 56,74% lao động làm việc trong lĩnh vực này nhưng chỉ có khoảng 10% đã qua đào tạo, chiếm 20% lực lượng lao động có chuyên môn kĩ thuật của cả nước [3]. Hiện nay sinh viên ngành nông - lâm - ngư nghiệp chỉ chiếm khoảng 3% tổng số sinh viên của cả nước [4]. Những HS giỏi nhất thường thi vào các ngành công nghệ thông tin, y khoa, dược khoa hoặc kinh tế, ngân hàng, tài chính.

- Trong khi nhiều ngành thiếu lao động có trình độ chuyên môn kĩ thuật thì một bộ phận không nhỏ lao động đã qua đào tạo lại đang thất nghiệp, đặc biệt là lao động có trình độ CĐ, ĐH. Theo số liệu thống kê Lao động - Việc làm của Bộ Lao động Thương binh Xã hội, năm 2005 tỉ lệ thất nghiệp của lao động đã qua đào tạo nghề là 2%, lao động có trình độ trung cấp chuyên nghiệp là 3,2%, trong khi đó lao động đã tốt nghiệp CĐ, ĐH trở lên là 4,3%. Điều này được lí giải bởi đa số HS, phụ huynh thường kì vọng vào bậc ĐH, chưa vượt qua được tâm lí khoa cử bằng cấp "học ngành nào cũng được, miễn là học ĐH". Hơn nữa, việc lựa chọn ngành học theo mốt, không quan tâm đến nhu cầu của thị trường lao động cũng làm gia tăng tỉ lệ thất nghiệp của



lao động có trình độ CĐ, ĐH (chẳng hạn, trong mùa tuyển sinh năm 2007 thì nhóm ngành về công nghệ thông tin và kinh tế cũng được các thí sinh quan tâm nhiều nhất). Ngược lại, nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề là rất lớn cho nên HS tốt nghiệp trường nghề thường dễ dàng hơn khi tìm kiếm việc làm. Điều này lí giải mối quan hệ tỉ lệ thuận giữa cấp trình độ đào tạo và tỉ lệ thất nghiệp trên thị trường lao động Việt Nam hiện nay.

- Tình trạng thất nghiệp trá hình diễn ra khá phổ biến trong giới lao động trẻ qua đào tạo. Do không đánh giá được năng lực của bản thân cũng như yêu cầu, đòi hỏi của nghề, nhiều sinh viên năm thứ nhất, thứ hai, đặc biệt sinh viên phải học theo nguyện vọng hai cảm thấy thất vọng trước quyết định của mình. Theo thống kê, hiện nay có tới 31% sinh viên đang học các ngành trái với nguyện vọng ban đầu và 10 – 15% sinh viên muốn đổi ngành nghề đang học. Điều này ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng dạy và học trong các trường CĐ, ĐH, gây lãng phí nguồn lực trong suốt thời gian phải học chuyên ngành ngoài ý muốn. Hậu quả là sau khi tốt nghiệp các cử nhân của chúng ta không tìm được việc làm phù hợp với chuyên ngành được đào tạo, phải làm trái ngành hoặc nếu làm đúng chuyên ngành lại không yêu nghề do phải học trái với nguyện vọng hoặc nghề không giống như những gì mà họ hình dung. Còn đối với HS học nghề thì 80% có nguyện vọng ban đầu là học ĐH [5], tức là “bắt đắc dĩ” phải học nghề. Như vậy, một bộ phận lao động trẻ có chuyên môn kĩ thuật mặc dù có việc làm nhưng không gắn bó với công việc, không yêu nghề, tư tưởng làm việc không ổn định, sẵn sàng “nhảy việc” khi có cơ hội.

Là quốc gia có lực lượng lao động dồi dào (hơn 44 triệu lao động, chiếm 53% dân số) nhưng đến năm 2005 nước ta chỉ có 25,33% lao động qua đào tạo. Như vậy, việc đào tạo chuyên môn kĩ thuật cho lao động là vấn đề cấp thiết đối với Việt Nam, nhưng làm thế nào để nguồn nhân lực sau đào tạo được sử dụng hợp lí còn cấp thiết hơn nữa. Muốn vậy, trước tiên công tác hướng nghiệp cho HS phải được thực hiện một cách bài bản, khoa học, sâu rộng. Làm được điều này tức là chúng ta giúp HS có sự lựa chọn nghề đúng đắn dựa trên điều kiện, năng lực, nguyện vọng của cá nhân, đòi hỏi của nghề cũng như nhu cầu của xã hội; giúp cho đào tạo đáp ứng nhu cầu

của thị trường lao động về số lượng, chất lượng và cơ cấu ngành nghề. Để thực hiện tốt mục tiêu này, chúng tôi đưa ra một số khuyến nghị sau:

Thứ nhất, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có kế hoạch đào tạo giáo viên chuyên trách làm công tác hướng nghiệp và sớm đưa chương trình giáo dục hướng nghiệp vào hệ thống giáo dục, nhất là trong trường phổ thông (có thể đối với lớp 8 trở lên, đặc biệt là lớp 9 và lớp 12);

Thứ hai, cần có tài liệu giới thiệu đầy đủ, cập nhật về các ngành đào tạo, nơi đào tạo, yêu cầu của ngành đối với người học, cơ hội việc làm cũng như khả năng phát triển trong nghề. Đây là cơ sở để HS và phụ huynh có thể tham khảo, dựa vào khả năng của mình lựa chọn ngành nghề cũng như bậc học phù hợp;

Thứ ba, các trường phổ thông nên chủ động liên kết với các trường dạy nghề, CĐ, ĐH trong việc tư vấn chọn ngành, chọn nghề cho HS; mời những chuyên gia tư vấn, các nghệ nhân hoặc những người học nghề thành đạt đến nói chuyện về nghề và chọn nghề...;

Thứ tư, gia đình không nên áp đặt con cái phải lựa chọn ngành nghề theo ý nghĩ chủ quan của mình, mà chỉ nên tư vấn, định hướng dựa trên tình hình phát triển kinh tế - xã hội và đánh giá, nhìn nhận khả năng của họ.

Cuối cùng, các phương tiện thông tin đại chúng cần vào cuộc để tác động đến chuyển biến tích cực trong nhận thức của cả xã hội về “chủ nghĩa bằng cấp”, tuyên truyền và khuyến khích lựa chọn đúng nghề, đúng trường và lối sống học tập suốt đời.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <http://www2.thanhnien.com.vn/Giaoduc/2005/4/4/78636.tno>.
2. Điều tra quốc gia về vị thành niên và thanh niên Việt Nam, 2005.
3. Số liệu thống kê lao động việc làm ở Việt Nam 2005, NXB Lao động – xã hội, Hà Nội, 2006.
4. Nguyễn Tiệp, *Giáo trình nguồn nhân lực*, NXB Lao động – xã hội, Hà Nội, 2005.
5. http://dost.danang.gov.vn/default.php?Action=news_detail&idx=824.

SUMMARY

The authoress affirms the importance of career guidance that can help students to make a good choice of jobs. But at present this work does not receive due attention and so she raises 5 recommendations concerning this work.